

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH THUẬN
TỈNH KIÊN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 09/2018/DS-ST
Ngày: 10/4/2018
Về việc yêu cầu bồi thường thiệt hại
ngoài hợp đồng về tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đào Hoàng Khương

Ông Nguyễn Văn Quốc

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Tâm - Thư ký Tòa án.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thuận tham gia phiên
tòa:*** Bà Võ Thị Tuyết Trang - Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 4 năm 2018, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang tiến hành mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 58/2017/TLST-DS ngày 09 tháng 8 năm 2017 về việc “Yêu cầu bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng về tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2018/QĐXXST-DS ngày 12/3/2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Ngọc S, sinh năm 1968; địa chỉ: ấp L, xã T, huyện V, tỉnh K (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc S: Bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1987 - Trợ giúp viên pháp lý Nhà nước tỉnh Kiên Giang. (có mặt)

- *Bị đơn:* Ông Trần Văn T, sinh năm 1977; địa chỉ: ấp L, xã T, huyện V, tỉnh K (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn do Bà Nguyễn Thị K - Trợ giúp viên pháp lý Nhà nước tỉnh Kiên Giang trình bày: Nguyên đơn ông S khởi kiện yêu cầu bị đơn ông T bồi thường thiệt hại tổng số tiền là 24.000.000đ với lý do là vào khoảng 14h ngày 29/6/2017 ông S bơm nước vào vuông, nguồn nước lấy từ đường cống thoát nước của ông S thông thoáng với sông xáng Chắc Băng, sau đó ông S phát hiện ông T có đào đường nước xả thải từ nhà ông T xuống đường thoát nước nhà ông S, ông S có trình báo chính quyền địa phương và phía ông T có viết tờ cam kết không khai đường nước xuống ống cống nữa. Đến sáng ngày 30/6/2017 thì ông S phát hiện tôm đã chết, vớt không được con tôm nào, lý do tôm nhỏ quá không nhìn thấy được. Do ông T nuôi heo sã nước thải, phân heo xuống đường cống thoát nước làm cho tôm chết nên nguyên đơn yêu cầu bồi thường con giống tổng số tiền 24.000.000đ là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

Theo đơn khởi kiện ngày 01/8/2017; các lời khai tại Tòa án và trong quá trình xét xử nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc S trình bày: Thống nhất với lời trình bày của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp là bà Nguyễn Thị K vừa trình bày nêu trên. Ông S xác định số con tôm giống 400.000 con (400 thiên) ông lấy tôm giống của đại lý Chung Thúy (ở Ninh Thuận), khi mua tôm thì điện thoại đặt hàng và tới ngày thả thì đại lý giao, việc mua bán chỉ có hóa đơn bán lẻ đã nộp cho Tòa án. Ông S xác định trước khi thả tôm 05 ngày ông có đo độ PH là 75 (Bảy độ năm), độ mặn 10 (Mười phần ngàn). Đến ngày 24/6/2017 thả tôm ông có đo kiểm tra lại độ PH 75, độ mặn 10 như lần đo thử trước, với độ PH và độ mặn như trên là rất tốt cho việc thả tôm con. Ông S thả tôm vào vuông từ ngày 24/6/2017 đến ngày 30/6/2017 được 06 ngày thì tôm chết, khi kiểm tra không thấy được, lý do tôm con còn nhỏ. Sau khi thả 05 ngày ông S có lấy nước vào vuông 01 lần vào ngày 29/6/2017, xả nước lúc khoảng 14h với thời gian xả nước khoảng 01 giờ, vào khoảng 15h thì phát hiện nguồn nước bị nhiễm bẩn do ông T xả thải phân heo nên ông ngừng lấy nước vào vuông. Ngoài ra, ông S còn xác định lúc 16h 29/6/2017 khi chính quyền địa phương xuống xác minh sự việc là trời đang mưa lớn, mưa kéo dài khoảng 01 giờ, nước thải và phân heo nhà ông T tràn sang đường cống thoát nước của ông, nước thải và phân heo không tràn trực tiếp sang vuông. Tóm lại, ông S khẳng định phía ông T nuôi heo sã thải và phân heo tràn xuống đường cống của ông, khi lấy nguồn nước vào vuông dẫn đến việc tôm giống bị chết nên yêu cầu bồi thường.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 21/8/2017 và trong quá trình xét xử bị đơn ông Trần Văn T trình bày: Phần đất nhà ông T giáp với đường cống thoát nước nhà

ông S, đường cống thoát nước nhà ông S dùng để lấy nước vào vuông tôm. Ông T nuôi heo phía trong nhà, có đào hố chứa nước thải và phân heo, hố có chiều ngang 2m, dài 2m, sâu 1,5m, ngoài ra gia đình ông có đào một đường nước ngang 0,7m, dài 4m, sâu 0,3m mục đích để xả nước thải sinh hoạt xuống cái đĩa nhà gia đình ông T. Vào ngày 29/6/2017 khi trời mưa to, đường nước xả thải sinh hoạt gia đình bị ngập, nước mưa cùng với nước xả thải sinh hoạt gia đình tràn xuống đường cống thoát nước nhà ông S, khi hết mưa thì không tràn nữa và tự thấm xuống đất. Vị trí từ đường thoát nước sinh hoạt nhà ông T đến đường cống thoát nước nhà ông S khoảng cách 3m - 4m. Vào ngày 29/6/2017 khi cán bộ áp xuống kiểm tra, xác minh sự việc là trời đang mưa rất lớn, làm nước thải sinh hoạt gia đình và nước mưa chảy tràn xuống đường thoát nước nhà ông S, sự việc này phía ông T có viết tờ cam kết với nội dung nước thải sinh hoạt tràn qua đường cống nhà ông S và cam kết sẽ đắp lại, đến ngày 13/7/2017 ông T mới đắp lại. Ông T xác định vào ngày 29/6/2017 ông S không có lấy nước vào vuông nên không có sự việc nước bẩn của gia đình ông làm chết tôm. Việc ông T nuôi heo đã có xây dựng hố chứa, ông không có xả thải và phân heo xuống cống thoát nước nhà ông S nên ông T không đồng ý bồi thường thiệt hại số tiền 24.000.000đ theo yêu cầu của ông S.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, Tòa án có vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử là đưa vụ án ra xét xử quá hạn luật định theo quy định tại Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự và tại thời điểm thụ lý vụ án, do ông S là người khuyết tật mà Tòa án đã cho nguyên đơn ông S nộp số tiền tạm ứng án phí là chưa đúng theo quy định tại Điều 12 của Nghị quyết số 236/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về nội dung vụ án: Nguyên đơn ông S khởi kiện yêu cầu bồi thường thiệt hại số tiền 24.000.000đ. Ông S cho rằng ông T đào đường nước xả thải từ nhà ông T xuống đường mương thoát nước nhà ông S dẫn đến tôm chết, nhưng trong quá trình xác minh của chính quyền địa phương thấy rằng ông T không có đào đường nước xả thải, mà là do mưa lớn (BL số 24). Trong quá trình xác minh, chính quyền địa phương không xác định được nguyên nhân tôm chết và cũng không thấy tôm chết trong vuông ông S, đồng thời ông S không chứng minh được gia đình ông lấy nguồn nước xả thải của ông T xả vào vuông, vì ngay thời điểm ngày 29/6/2017

mưa rất lớn. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông S đối với ông T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp:* Tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn là tranh chấp “*yêu cầu bồi thiệt hại ngoài hợp đồng về tài sản*”. Cụ thể ông Nguyễn Ngọc S yêu cầu ông Trần Văn T phải bồi thường thiệt hại do tôm con bị chết với số tiền là 24.000.000đ.

[2] *Về thẩm quyền:* Đây là vụ án “*Tranh chấp yêu cầu bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng về tài sản*” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015. Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[3] *Xét yêu cầu của nguyên đơn ông S thấy rằng:* Ông S cho rằng đã mua 400 thiên (400.000 con) tôm giống với tổng số tiền là 24.000.000đ để thả xuống vuông và bị chết do ông T có hành vi nuôi heo xả nước thải và phân heo xuống đường ống cống thoát nước, khi ông lấy nước từ đường cống vào vuông làm cho tôm con nhiễm bẩn bị chết nên yêu cầu bồi thường. Người bảo vệ quyền lợi ích của nguyên đơn là bà K xác định tại phiên tòa phía ông T thừa nhận vào ngày 29/6/2017 trời mưa lớn, nguồn nước xả thải sinh hoạt gia đình có tràn xuống đường cống thoát nước của ông S, khi ông S dẫn nước vào vuông làm cho tôm giống bị chết, căn cứ vào quy định pháp luật tại Điều 250 (*quy định về nghĩa vụ của chủ sở hữu trong việc thoát nước mưa*), Điều 251 (*quy định về nghĩa vụ của chủ sở hữu trong việc thoát nước thải*), Điều 275 (*quy định về căn cứ phát sinh nghĩa vụ*) và Điều 602 (*quy định về bồi thường thiệt hại do làm ô nhiễm môi trường*) của Bộ luật dân sự 2015 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

[4] Xét thấy tại biên bản ghi lời khai của ông P (BL: 32-33), ông U (BL: 34-35), ông Hoàng Th (BL: 47-48) thể hiện nhìn thấy có nước chảy nhưng không xác định được đó là nước thải phân heo hay là nước thải sinh hoạt gia đình ông T chảy qua cống thoát nước, không xác định nguyên nhân tôm bị chết, không biết có thả con giống hay không, không thấy có dấu vết đào đường nước để xả thải, nguồn nước trong ống cống của ông S có màu bình thường; bên cạnh đó lời khai ông Chí Th (BL: 40) cũng xác định không thấy có nước thải từ chuồng heo chảy qua đường nước cống thoát nước của ông S, không thấy dấu đào để xả thải, không thấy tôm trong vuông. Đối với tranh chấp yêu cầu bồi thường

thiệt hại ngoài hợp đồng về tài sản phải có kết luận của cơ quan chuyên môn xác định nguyên nhân bị thiệt, tuy nhiên không có cơ quan chuyên môn nào xác định nguyên nhân tôm bị chết; khi chính quyền địa phương xác minh sự việc các bên thừa nhận trời mưa lớn có nước chảy tràn xuống đường cống thoát nước, đường cống được thông thoáng với sông Chấn Bể, nhưng trước đó phía ông S cho rằng vào lúc 14h ông xả nước vào vuông tôm với thời gian xả nước khoảng 1 giờ, khi xả nước không ai biết, đến 15h ông phát hiện ông T xả nước thải phân heo xuống ống cống thoát nên ông ngừng lấy nước vào vuông. Xét thấy, việc ông S xả nước vào vuông lúc 14h là trước thời gian ông phát hiện bên ông T xả thải và cũng trước thời điểm trời mưa nên chưa có cơ sở xác định có nguồn nước thải phân heo xuống đường cống thoát nước; mặc khác ông S cũng không chứng minh được nguồn nước ông lấy vào vuông là nguồn nước xả thải phân heo bên gia đình ông T.

[5] Ông S khởi kiện yêu cầu bồi thường thiệt hại mà không chứng minh được thiệt hại, nguyên nhân bị thiệt hại nên không phát sinh trách nhiệm bồi thường theo Điều 584 (*quy định căn cứ phát sinh trách nhiệm bồi thường thiệt hại*) của Bộ luật dân sự 2015 và theo quy định tại Điều 91 (*quy định về nghĩa vụ chứng minh*) của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 khi đương sự có yêu cầu thì phải nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ và hợp pháp mà ông S không chứng minh được nên Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản của ông S đối với ông T.

[6] *Án phí sơ thẩm*: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 6, Điều 12, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Ông Nguyễn Ngọc S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu không được Tòa án chấp nhận là $24.000.000đ \times 5\% = 1.200.000đ$. Tuy nhiên, ông S là người khuyết tật nên được miễn toàn bộ án phí theo quy định pháp luật.

Hoàn trả cho ông Nguyễn Ngọc S số tiền tạm ứng án phí là 600.000đ đã nộp theo biên lai thu số 0004291 ngày 08/8/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 91, Điều 147, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; áp dụng Điều 584 của Bộ luật dân sự 2015; áp dụng Điều

6, Điều 12 và Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản của nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc S đối với bị đơn ông Trần Văn T số tiền là 24.000.000đ.

2. Án phí sơ thẩm:

Ông Nguyễn Ngọc S chịu tiền án phí 1.200.000đ; nhưng do ông S là người khuyết tật nên được miễn toàn bộ án phí.

Hoàn trả cho ông Nguyễn Ngọc S số tiền tạm ứng án phí là 600.000đ đã nộp theo biên lai thu số 0004291 ngày 08/8/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (10/4/2018).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Vĩnh Thuận;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Thuận;
- UBND xã Tân Thuận;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Phụng